

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày: 31/12/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khánh.

2. Bà Trương Thị Xuân Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/12/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-DS ngày 31/3/2020 về *“Tranh chấp hợp đồng xây dựng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-DS ngày 29/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2021/QĐST-DS ngày 13/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: Số 80, Quốc lộ 80, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ông Dương Minh H – Trưởng Phòng kinh tế và Hạ tầng huyện C (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1976, Chủ Doanh nghiệp tư nhân P (vắng mặt).

Địa chỉ: số 50-70, đường 33, khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh H – Trưởng Phòng kinh tế và Hạ tầng huyện C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp là Ông Dương Minh H trình bày:

Ngày 15/7/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định giao cho UBND huyện C làm chủ đầu tư dự án cụm dân cư xã An Hiệp mở rộng sau đó chủ đầu tư có ký Hợp đồng thi công xây dựng với Doanh nghiệp tư nhân P do Ông Nguyễn Trọng H làm chủ doanh nghiệp để thi công hạng mục kỹ thuật. Ngày 20/12/2011 chủ đầu tư chấp nhận cho Doanh nghiệp tư nhân P tạm ứng 838.500.000 đồng, trong quá trình thực hiện Doanh nghiệp tư nhân P không thực hiện đúng hợp đồng, do đó chủ đầu tư yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân P trả lại số tiền đã tạm ứng 690.003.000 đồng, tiền thuế 10% giá trị gia tăng là 35.999.200 đồng, tiền thanh toán khối lượng thừa là 20.293.000 đồng. Trừ số tiền thanh toán khối lượng thi công giai đoạn 1 cộng với tiền Ông Nguyễn Trọng H khấu trừ của khối lượng công trình hoàn công Đường Ngã Ba Tân Hựu là 132.145.000 đồng và Số tiền mặt ông Hải nộp là 20.000.000 đồng. Như vậy Doanh nghiệp tư nhân P còn phải trả cho Ủy ban nhân dân Huyện tiếp số tiền 594.150.200 đồng.

Ngày 20/9/2012 chủ đầu tư UBND huyện C có ký hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân P hạng mục kỹ thuật để thi công công trình cụm dân cư Xẻo Vạt, xã Tân Bình. Chủ đầu tư đã thực hiện tạm ứng cho Doanh nghiệp tư nhân P số tiền 405.000.000 đồng, Doanh nghiệp tư nhân P đã thực hiện hoàn thành và được chủ đầu tư thanh toán toàn bộ khối lượng có giá trị tổng cộng là 1.144.531.000 đồng. Doanh nghiệp tư nhân P có xuất hóa đơn để quyết toán thuế ngày 26/4/2017, tuy nhiên qua thẩm định thì mã số thuế của Doanh nghiệp tư nhân P đã bị Chi cục thuế Quận Bình Thủy đóng mã số thuế từ ngày 02/3/2016. Số tiền thuế giá trị gia tăng 10% trên tổng số tiền phải quyết toán là 260.672.000 đồng do hóa đơn Doanh nghiệp tư nhân P xuất không có giá trị sử dụng.

Nay Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải hoàn trả lại tiền tạm ứng hợp đồng, tiền thanh toán khối lượng thừa và tiền thuế 10% giá trị gia tăng công trình Cụm dân cư An Hiệp mở rộng còn lại là 594.150.200 đồng. Yêu cầu Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P hoàn trả số tiền 260.672.000 đồng (tiền thuế giá trị gia tăng 10% do Ông Nguyễn Trọng H đã xuất hóa đơn không có giá trị sử dụng do bị đóng mã số thuế của công trình Cụm dân cư Xẻo Vạt, xã Tân Bình theo thông báo số 483 ngày 02/3/2016 của Chi cục thuế quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ).

Tổng cộng số tiền Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho hai công trình là 854.822.200 đồng.

- *Bị đơn Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến trình bày.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, cùng phía với nguyên đơn:* Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải trả số tiền thi công xây dựng hai công trình là 854.822.200 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Doanh nghiệp tư nhân P có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 89/1, đường N, phường A, Quận B, thành phố Cần Thơ nhưng Hợp đồng xây dựng thi công nguyên đơn tranh chấp được thực hiện tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ vào các Điều 140 Luật xây dựng năm 2014; Các Điều 26, 35, 40 Bộ Luật tố tụng dân sự, xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P, đồng thời có đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về nội dung vụ kiện cho Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P biết. Tòa án cũng đã hoãn phiên tòa ngày 13/12/2021, tại phiên tòa lần thứ 02 đương sự Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P vẫn không có mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P có ký với Ủy ban

nhân dân huyện C, hợp đồng thi công xây dựng số 49/2011/HĐ-XD ngày 16/12/2011 xây dựng cụm dân cư xã An Hiệp mở rộng và hợp đồng thi công xây dựng số 54/2012/HĐ-XD ngày 20/9/2012 xây dựng cụm dân cư Xẻo Vạt.

Theo nội dung của hợp đồng số 49/2011/HĐ-XD ngày 16/12/2011 tại Điều 12 có thỏa thuận bên thi công đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên đầu tư có quyền thanh lý hợp đồng và bên thi công phải hoàn trả lại tiền tạm ứng trước đồng thời cũng có thỏa thuận bên thi công có trách nhiệm xuất hóa đơn và chịu thuế 10% giá trị gia tăng và chịu các thi phí khác của việc hoàn thành công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ủy ban nhân dân huyện C đã ứng cho Doanh nghiệp này số tiền 838.500.000 đồng theo biên bản số 12/BB-P.KT&HT ngày 16/12/2011. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện DNTN P chưa thực hiện xong giai đoạn 1, còn thiếu khối lượng phải thực hiện (khối lượng thiếu có giá trị là 20.293.000 đồng, theo phiếu yêu cầu của DNTN P đề nghị nghiệm thu số 04 và bảng phụ lục nghiệm thu khối lượng số 04 ngày 18/9/2012) nhưng vẫn được nghiệm thu hoàn thành giai đoạn 1, theo biên bản nghiệm thu ngày 19/09/2012 giá trị hoàn thành giai đoạn 1 là 395.991.000 đồng, có xác nhận của DNTN P. Sau khi quyết toán giai đoạn 1, DNTN P bỏ ngang không tiếp tục thực hiện hợp đồng là vi phạm Điều 12 của hợp đồng. Như vậy, sau khi công trình đã hoàn thành giai đoạn 1 theo quy định DNTN P được trừ đi tiền tạm ứng 148.497.000 đồng theo thanh toán tạm ứng vốn đầu tư có duyệt chi của kho bạc ngày 28/9/2012, thì số tiền DNTN P phải trả còn lại là 690.003.000 đồng (838.500.000 đồng – 148.497.000 đồng), đồng thời, theo quy định DNTN P phải xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng 10% đối với giai đoạn 1 trên số tiền đã nhận là 35.999.200 đồng và hoàn lại khoản tiền đã thanh toán thừa khối lượng 20.293.000 đồng.

Số tiền giá trị gia tăng được tính như sau: 395.991.000 đồng (toàn bộ giá trị hoàn thành giai đoạn 1) - 20.293.000 đồng (tiền thanh toán thừa khối lượng) – 15.706.000 tiền (tiền bảo trì công trình) = 359.992.000 x 10% = 35.999.200 đồng.

Như vậy, tổng cộng DNTN P phải trả lại cho UBND huyện C là 746.295.000 đồng (690.003.000 đồng + 20.293.000 đồng + 35.999.200 đồng) nhưng ngày 04/8/2017 Ông Nguyễn Trọng H - Chủ DNTN P đã trả cho chủ đầu tư số tiền 152.145.000 đồng. Vì vậy Ông Nguyễn Trọng H - Chủ DNTN P còn phải trả UBND huyện C 746.295.000 đồng - 152.145.000 đồng = 594.150.200 đồng.

Ngoài ra, DNTN P và Ủy ban nhân dân huyện C còn ký hợp đồng thi công xây dựng số 54/2012/HĐ-XĐ ngày 20/9/2012 đối với cụm dân cư Xẻo Vạt xã Tân Bình, dự án đã hoàn thành chủ đầu tư đã thanh toán toàn bộ khối lượng công trình; Doanh nghiệp phải xuất hóa đơn hoàn thành công trình là 2.867.392.000 đồng, trong đó có 10% thuế giá trị gia tăng tương ứng là 260.672.000 đồng. Tuy nhiên, hóa đơn của Doanh nghiệp tư nhân P xuất ngày 26/4/2017 không có giá trị sử dụng, do Doanh nghiệp này đã bị khóa mã số thuế từ ngày 02/3/2016, theo công văn số 1641/ĐKKD ngày 25/02/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ và Thông báo số 483 ngày 02/3/2016 của Chi cục thuế quận Bình Thủy,

thành phố Cần Thơ. Nên số tiền thuế Doanh nghiệp này phải hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp tiền thuế giá trị gia tăng là 260.672.000 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, không có ý kiến không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu nào để chứng minh, phản đối yêu cầu của phía nguyên đơn.

Vì sự vắng mặt không có lý do của phía bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, đánh giá các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ; nên áp dụng các Điều 144, 147 Luật xây dựng năm 2014; Điều 351, 358 Bộ luật dân sự; Điều 92, 95, 96 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện C.

Căn cứ 188 Luật doanh nghiệp thì Chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DNTN P. Do đó, Chủ DNTN P là Ông Nguyễn Trọng H phải có trách nhiệm trả cho Ủy ban nhân dân huyện C tổng số tiền là 854.822.200 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, nghĩa vụ chịu án phí được xác định như sau:

Ông Nguyễn Trọng H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 854.822.200 đồng được tính như sau: 36.000.000 đồng + (54.822.200 đồng x 3%) = 37.644.666 đồng. Ủy ban nhân dân huyện C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.824.000 đồng.

[5] Về Chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ủy ban nhân dân huyện C đồng ý chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng về việc giải quyết vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 92, 95, 96, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 140, 144, 147 Luật xây dựng năm 2014; Điều 351, 358 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật doanh nghiệp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp số tiền 854.822.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc Ông Nguyễn Trọng H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải nộp 37.644.666 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện C được hoàn lại 18.824.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007514 ngày 31/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu là 4.800.000 đồng (Ủy ban nhân dân huyện C đã nộp và thanh toán xong).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Văn Nhân